

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 -2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Mỹ D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 95G, đường P, Khóm N, Phường H, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Th, xã L, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Mỹ D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Trường G kết hôn ngày 21/12/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông G thường hay đánh đập, gia đình hai bên có khuyên ngăn nhưng ông G không sửa đổi. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường G .

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trường D1, giới tính nam, sinh ngày 19/11/2016. Hiện tại con đang sống cùng chị D. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Tại phiên tòa chị D xác định không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trường G, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh G đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh G vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Trường G đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Lê Mỹ D xin ly hôn với anh Nguyễn Trường G, thấy rằng: Chị D và anh G xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Nay chị D xác định chị không còn tình cảm với anh G nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G. Để tạo điều kiện cho chị Dung, anh G hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng anh G vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của chị Dung, việc này cho thấy anh G cũng không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị D kiên quyết xin ly hôn với anh G. Xét thấy, hôn nhân của chị D, anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Trường D1, giới tính nam, sinh ngày 19/11/2016. Xét thấy hiện con đang sống chung với chị D, anh Nguyễn Trường G không gửi ý kiến về việc ly hôn và vấn đề nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con chung thì phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị D xác định không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị D, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh G không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không

đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung và không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Điều 58, 81, 82, 83 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Mỹ D xin ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trường D1, giới tính nam, sinh ngày 19/11/2016 cho chị Lê Mỹ D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh G không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, ngày 13/6/2022, chị D nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001542 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trường G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND Phường 2, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên